

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoa

Bà Triệu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Kim T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2024, bản tự khai ngày 09/7/2024, nguyên đơn là chị Lý Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đoàn Văn C được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 20/10/1999. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong cuộc sống, vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn, không chăm lo đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. Tôi đã nhẫn nhịn nhiều lần để cho con cái có bố, có mẹ nhưng anh C không thay đổi. Đến năm 2022 do không chịu đựng được nên tôi đã

về Hà Nội làm thuê để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại. Tuy nhiên, từ khi tôi đi làm thì tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Tôi và anh C có hai người con là Đoàn Thị Q, sinh ngày 21/01/2001 và Đoàn Thị Yên N, sinh ngày 24/8/2010. Cháu Q đã trưởng thành, còn cháu N có nguyện vọng muốn ở với ai thì tôi đều nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

* Tại bản tự khai ngày 17/7/2024, bị đơn là anh Đoàn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Lý Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 20/10/1999. Sau khi ký kết hôn, tình cảm vợ chồng bình thường, tuy có mâu thuẫn nhưng theo tôi đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng. Khoảng năm 2022 cô T về Hà Nội tìm việc làm thêm, tôi cũng đồng ý để cô T đi, từ đó vợ chồng mỗi người một nơi, thời gian đầu khi mới đi làm thì khoảng 1 đến 2 tháng cô T về nhà một lần, sau đó việc về nhà thưa dần, vợ chồng đã sống ly thân khoảng một năm nay. Cô T xin ly hôn tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô T có hai người con chung là Đoàn Thị Q, sinh ngày 21/01/2001 và Đoàn Thị Yên N, sinh ngày 24/8/2010. Cháu Q đã trưởng thành, còn cháu N có nguyện vọng muốn ở với ai cũng được, nếu cháu N ở với tôi thì tôi nuôi dưỡng và không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; về xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; việc tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử; việc chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lý Kim T được ly hôn anh Đoàn Văn C; giao người con là Đoàn Thị Yên N sinh ngày 24/8.2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lý Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con đối với anh Đoàn Văn C. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Anh C đăng ký thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đề nghị giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải và chị T cũng đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải nữa, nên Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T, anh C đều vắng mặt do đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Kim T và anh Đoàn Văn C kết hôn ngày 20/10/1999 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu. Tại thời điểm kết hôn, chị T, anh C đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T, anh C về sinh sống tại xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm với nhau, từ năm 2022 chị T về Hà Nội làm ăn và rất ít khi về nhà. Từ nhiều năm nay, chị T, anh C không còn chung sống cùng nhau và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa và cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án đã thông báo cho chị T, anh C đến để hòa giải nhưng cả chị T và anh C đều đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh C. Xử cho chị T, anh C được ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh C có hai người con là Đoàn Thị Q, sinh ngày 21/01/2001 và Đoàn Thị Yến N, sinh ngày 24/8/2010. Cháu Q đã thành niên, chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn

cháu N chưa thành niên, nay vợ chồng ly hôn, chị T và anh C đều đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu N. Tòa án đã tiến hành hỏi nguyện vọng của cháu N thì cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lý Kim T và anh Đoàn Văn C được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao người con Đoàn Thị Yến N, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2010 cho anh Đoàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lý Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0000074 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Thanh, anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã A, huyện.V;
- Các đương sự (Chị T, anh C);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hà